

Số: 643 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 2, năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/8/2007; Thông tư 31/2013/TT-BGDĐT, ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 2093/QĐ-ĐHCT, ngày 17/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-ĐHCT, ngày 22/02/2021 về định mức học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên hệ chính quy áp dụng từ học kỳ 2, năm học 2020-2021; Quyết định số 508/QĐ-ĐHCT, ngày 16/03/2021 về việc phân bổ quỹ học bổng khuyến khích được áp dụng từ học kỳ 2, năm học 2020-2021;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2020-2021;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2, năm học 2020-2021 cho **513** sinh viên chính quy thuộc khóa 42, 43 đang theo học tại Trường Đại học Cần Thơ:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích được chi trả theo quy định hiện hành. Thời gian cấp học bổng là 05 tháng từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài chính, Trưởng khoa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PCTSV, T.04.



DANH SÁCH HỌC BỔNG
Học Kỳ 2 - Năm Học 2020 - 2021

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
1. Lớp: CA17X5A1								
1	B1708473	Tăng Duy Khánh	15	85	2.73	Khá	690.000	
2	B1710284	Huỳnh Thanh Hồng	16	83	2.75	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.056.000 đồng/tháng								
2. Lớp: DA1766A1								
1	B1703259	Nguyễn Văn Khánh	15	100	3.53	Giỏi	880.000	
2	B1703300	Trần Trương Phương Thảo	15	95	3.8	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1703316	Phạm Hồ Bảo Trân	16	91	3.66	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.000.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.080.000 đồng/tháng								
3. Lớp: DA1766A2								
1	B1703353	Đỗ Thị Yên Khoa	15	86	3.6	Giỏi	880.000	
2	B1703357	Huỳnh Văn Liêm	15	100	4	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1703396	Nguyễn Hữu Thiện	16	100	3.88	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1703418	Trần Thị Như Ý	16	100	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.224.000 đồng/tháng								
4. Lớp: DA17Y3A1								
1	B1704493	Phạm Như Ngọc	16	95	3.53	Giỏi	880.000	
2	B1704531	Đặng Thị Như Ý	16	95	3.63	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1704545	Huỳnh Quốc Huy	21	100	3.52	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.820.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.816.000 đồng/tháng								
5. Lớp: DI1795A1								
1	B1704599	Lê Thị Diễm Chi	17	84	3.53	Giỏi	880.000	
2	B1704613	Nguyễn Thị Cẩm Hường	18	82	3.75	Giỏi	880.000	
3	B1704622	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	23	88	3.43	Giỏi	880.000	
4	B1704635	Lê Tân Tài	17	87	3.47	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.784.000 đồng/tháng								
6. Lớp: DI1795A2								
1	B1704681	Trần Thiện Nhân	18	86	3.42	Giỏi	880.000	
2	B1704695	Nguyễn Thị Kim Thành	17	82	3.38	Giỏi	880.000	
3	B1704702	Nguyễn Kiều Trinh	15	95	3.4	Giỏi	880.000	
4	B1704706	Lê Thị Cẩm Tú	18	82	3.33	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.256.000 đồng/tháng								
7. Lớp: DI1796A1								
1	B1704715	Võ Tân Cường	19	90	3.66	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1704738	Lê Nguyễn Duy Khanh	17	95	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1704761	Nguyễn Lâm Nhựt	15	93	3.9	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1704764	Lưu Hồng Quân	18	91	3.83	Xuất sắc	1.060.000	
5	B1704776	Đoàn Ngọc Thương	17	87	3.88	Giỏi	880.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
Cộng lớp:							5.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.280.000 đồng/tháng								
8. Lớp: DI1796A2								
1	B1704828	Phan Hải Long	19	93	3.37	Giỏi	880.000	
2	B1704835	Triệu Đức Minh	16	95	3.72	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1704842	Hồ Việt Phát	15	85	3.53	Giỏi	880.000	
4	B1704852	Võ Văn Chí Thiện	15	84	3.87	Giỏi	880.000	
5	B1704862	Nguyễn Phương Trang	18	85	3.44	Giỏi	880.000	
6	B1704869	Bùi Thanh Tùng	18	82	3.47	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							5.460.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.544.000 đồng/tháng								
9. Lớp: DI17V7A1								
1	B1706494	Trần Lê Vũ Luân	18	98	3.58	Giỏi	880.000	
2	B1706515	Huỳnh Thanh Phúc	15	94	3.6	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1706552	Nguyễn Hữu Tỷ	17	87	3.59	Giỏi	880.000	
4	B1706555	Lê Hồng Quốc Vương	15	90	3.7	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.880.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.136.000 đồng/tháng								
10. Lớp: DI17V7A2								
1	B1706563	Lê Minh Chiên	15	85	3.7	Giỏi	880.000	
2	B1706597	Đặng Trung Kiên	18	83	3.58	Giỏi	880.000	
3	B1706643	Nguyễn Thị Phương Thảo	15	100	3.5	Giỏi	880.000	
4	B1706655	Nguyễn Chí Tôn	17	90	3.91	Xuất sắc	1.060.000	
5	B1706670	Nguyễn Xuân Xắc	15	97	3.5	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.580.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.400.000 đồng/tháng								
11. Lớp: DI17V7A3								
1	B1706731	Nguyễn Thị Kim Ngọc	18	96	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1706744	Nguyễn Trọng Phúc	15	77	3.3	Khá	690.000	
3	B1706749	Trương Văn Sang	21	91	3.93	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1706757	Châu Ngọc Thạch	17	79	3.32	Khá	690.000	
5	B1706766	Đoàn Kiều Tiên	17	79	3.21	Khá	690.000	
Cộng lớp:							4.190.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.136.000 đồng/tháng								
12. Lớp: DI17V7A4								
1	B1706786	Hà Thị Anh	18	77	3.33	Khá	690.000	
2	B1706813	Nguyễn Huy	15	79	3.5	Khá	690.000	
3	B1706814	Nguyễn Quốc Huy	21	75	3.36	Khá	690.000	
4	B1706854	Đặng Hoàng Phú	18	82	3.75	Giỏi	880.000	
5	B1706865	Trần Minh Tâm	17	75	3.38	Khá	690.000	
6	B1706888	Đặng Anh Tuấn	15	87	3.6	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.400.000 đồng/tháng								
13. Lớp: DI17V7A5								
1	B1706475	Trần Văn Huy	18	87	3.5	Giỏi	880.000	
2	B1706499	Lâm Thị Ngọc Mỹ	15	98	3.2	Giỏi	880.000	
3	B1706519	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	18	88	3.67	Giỏi	880.000	
4	B1706521	Phạm Chí Sang	15	87	3.2	Giỏi	880.000	
5	B1706718	Phùng Dương Linh	18	85	3.67	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.400.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.224.000 đồng/tháng								
14. Lớp: DI17V7A6								
1	B1706590	Trần Huỳnh	15	97	3.8	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1706641	Trương Quốc Thái	15	95	3.7	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1706642	Phan Thanh Thành	17	95	3.65	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1706839	Mai Thị Trà My	18	92	3.92	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.048.000 đồng/tháng								
15. Lớp: DI17Y1A1								
1	B1706592	Lê Minh Kha	16	90	3.84	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1706603	Nguyễn Hoàng Linh	16	89	3.84	Giỏi	880.000	
3	B1706648	Võ Bình Thơ	17	86	3.68	Giỏi	880.000	
4	B1706677	Đặng Văn Chức	15	82	3.4	Giỏi	880.000	
5	B1706719	Huỳnh Hữu Lộc	16	92	3.78	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.400.000 đồng/tháng								
16. Lớp: DI17Y9A1								
1	B1709272	Đặng Quốc Dũng	16	83	3.34	Giỏi	880.000	
2	B1709274	Mai Văn Đây	18	82	3.25	Giỏi	880.000	
3	B1709301	Trần Đức Phương	15	79	3.9	Khá	690.000	
4	B1709305	Bùi Nguyên Hoàng Thái	18	100	3.83	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.510.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.520.000 đồng/tháng								
17. Lớp: DI17Y9A2								
1	B1709348	Võ Nhựt Linh	17	77	3.18	Khá	690.000	
2	B1709356	Nguyễn Minh Nguyệt	20	90	3.3	Giỏi	880.000	
3	B1709362	Huỳnh Khả Siêu	15	99	3.5	Giỏi	880.000	
4	B1709366	Nguyễn Công Thành	17	77	3.15	Khá	690.000	
5	B1709376	Vũ Minh Trí	17	65	3.21	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.830.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.520.000 đồng/tháng								
18. Lớp: DI17Z6A1								
1	B1709525	Trần Trương Sơn Bảo	19	67	3.72	Khá	690.000	
2	B1709526	Đỗ Thành Công	15	79	3.3	Khá	690.000	
3	B1709536	Nguyễn Hưng	17	69	3.68	Khá	690.000	
4	B1709546	Nguyễn Tân Lực	16	79	3.5	Khá	690.000	
5	B1709576	Nguyễn Đức Trọng	15	77	3.4	Khá	690.000	
6	B1710343	Lương Quốc Bảo	15	77	3.2	Khá	690.000	
7	B1710356	Huỳnh Trịnh Tiên Vinh	18	89	3.5	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							5.020.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.840.000 đồng/tháng								
19. Lớp: DI17Z6A2								
1	B1709590	Nguyễn Việt Đông	15	75	3.9	Khá	690.000	
2	B1709604	Nguyễn Vũ Luân	15	100	3.2	Giỏi	880.000	
3	B1709618	Tạ Đặng Vĩnh Phúc	21	97	3.93	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1709630	Nguyễn Quốc Thịnh	15	81	3.4	Giỏi	880.000	
5	B1709632	Đào Công Tính	20	97	4	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.664.000 đồng/tháng								
20. Lớp: FL17V1A1								

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
1	B1705862	Thạch Chanh Sai Gia	20	97	3.83	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1705867	Phước Nguyên Hoàng Huy	18	97	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1705872	Võ Hồng Liên	16	82	3.66	Giỏi	880.000	
4	B1705905	Nguyễn Thuý Vi	18	100	3.67	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.400.000 đồng/tháng								
21. Lớp: FL17V1A2								
1	B1705958	Hồng Thị Khánh Vân	20	81	3.78	Giỏi	880.000	
2	B1705959	Phan Yên Vi	18	94	3.78	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1706021	Huỳnh Văn Đứng	17	100	3.72	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.000.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.256.000 đồng/tháng								
22. Lớp: FL17X1A1								
1	B1708261	Phạm Minh Cường	19	95	3.92	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1708263	Dương Khánh Duy	17	93	4	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1708285	Võ Trần Thanh Phương	17	97	4	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1708295	Nguyễn Thị Thanh Trúc	17	95	3.88	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.400.000 đồng/tháng								
23. Lớp: FL17X2A1								
1	B1708319	Quách Kiều My	17	92	3.65	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							1.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.408.000 đồng/tháng								
24. Lớp: FL17Z8A1								
1	B1705873	Tạ Huỳnh Yên Linh	18	83	3.92	Giỏi	880.000	
2	B1705899	Lê Dương Ngọc Trân	20	96	3.73	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1705986	Lưu Nguyễn Khanh Nghi	16	90	3.78	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.000.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.256.000 đồng/tháng								
25. Lớp: FL17Z8A2								
1	B1705910	Lưu Khánh Bằng	16	95	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1705921	Hà Tú Huyền	15	85	3.87	Giỏi	880.000	
3	B1706052	Trương Thị Thắm	15	85	3.63	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.820.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.432.000 đồng/tháng								
26. Lớp: FL17Z9A1								
1	B1709647	Lê Mỹ Duyên	17	100	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1709655	Liêu Duy Khánh	17	94	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							2.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.112.000 đồng/tháng								
27. Lớp: FL17Z9A2								
1	B1709708	Từ Phan Bảo Ngọc	17	92	4	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1709716	Phan Nguyễn Hoàng Quyên	15	91	4	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							2.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.464.000 đồng/tháng								
28. Lớp: HG1713A1								
1	B1700819	Lý Văn Bi	21	82	3.36	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							880.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 880.000 đồng/tháng								

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
29. Lớp: HG1722A1								
1	B1709807	Trần Thị Huyền Trân	20	82	3.18	Khá	690.000	
Cộng lớp:							690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.144.000 đồng/tháng								
30. Lớp: HG1723A1								
1	B1701809	Huỳnh Thị Ngọc Hân	18	72	3.28	Khá	690.000	
2	B1701816	Nguyễn Thị Trà Mãi	16	91	2.57	Khá	690.000	
3	B1701827	Lê Nguyễn Huỳnh Như	21	77	2.76	Khá	690.000	
4	B1709844	Lê Lam Linh	16	73	2.73	Khá	690.000	
Cộng lớp:							2.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.552.000 đồng/tháng								
31. Lớp: HG1763A1								
1	B1702313	Nguyễn Việt Thắng	16	83	3.13	Khá	690.000	
2	B1702315	Châu Thị Trang	18	68	3.15	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.056.000 đồng/tháng								
32. Lớp: HG17T2A1								
1	B1705200	Nguyễn Thành Đạt	23	92	3.41	Giỏi	880.000	
2	B1705207	Nguyễn Văn Hiếu	16	100	3.5	Giỏi	880.000	
3	B1705208	Phạm Nhật Kha	16	82	3.38	Giỏi	880.000	
4	B1705239	Đỗ Minh Thiện	23	98	3.3	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.784.000 đồng/tháng								
33. Lớp: HG17U7A1								
1	B1705744	Lương Hoàng Phúc	22	95	3.5	Giỏi	880.000	
2	B1705771	Nguyễn Đình Thịnh	24	95	3.38	Giỏi	880.000	
3	B1705778	Võ Thị Cẩm Tú	24	90	3.54	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.376.000 đồng/tháng								
34. Lớp: HG17V1A1								
1	B1706070	Huỳnh Thị Mỹ Dung	20	90	3.78	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1706080	Cao Lê Tiên Minh	24	90	3.9	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1710047	Lê Huỳnh Thanh Thanh	21	98	3.9	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.344.000 đồng/tháng								
35. Lớp: HG17V1A2								
1	B1706138	Trần Khánh Vân	17	85	3.5	Giỏi	880.000	
2	B1710082	Nguyễn Dương Thanh	15	97	3.4	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.200.000 đồng/tháng								
36. Lớp: HG17V7A1								
1	B1706918	Đinh Lâm Huy	21	78	2.79	Khá	690.000	
2	B1706925	Lê Việt Khải	21	82	2.79	Khá	690.000	
3	B1706953	Phạm Hữu Thắng	21	81	2.79	Khá	690.000	
4	B1710123	Tạ Chí Thanh	18	96	2.83	Khá	690.000	
5	B1710125	Trần Thị Bảo Trang	18	90	2.83	Khá	690.000	
6	B1710127	Phan Văn Vạn	18	90	3	Khá	690.000	
7	B1710423	Nguyễn Nhứt Thông	15	86	2.8	Khá	690.000	
Cộng lớp:							4.830.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.016.000 đồng/tháng								
37. Lớp: HG17W8A1								
1	B1708110	Trần Thanh Duy	16	87	3.31	Giỏi	880.000	
2	B1708124	Lê Thị Trúc Linh	19	80	3.24	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.112.000 đồng/tháng								
38. Lớp: KH1769A1 Hóa học K43								
1	B1703725	Lâm Thảo Ngân	20	69	3.4	Khá	690.000	
2	B1703742	Nguyễn Phúc Duy Thanh	18	72	3.31	Khá	690.000	
3	B1703747	Lê Thị Minh Thư	18	74	3.44	Khá	690.000	
4	B1703760	Huỳnh Lê Thiện Vũ	20	74	3.25	Khá	690.000	
5	B1703761	Văn Huỳnh Phương Vy	17	74	3.65	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.344.000 đồng/tháng								
39. Lớp: KH1789A1 Toán Ung dụng K43								
1	B1704381	Lê Thị Cẩm Tú	20	71	3.76	Khá	690.000	
2	B1709913	Phan Thúy An	22	84	3.12	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.376.000 đồng/tháng								
40. Lớp: KH1794A1 Sinh học K43								
1	B1704516	Trần Thị Ngọc Thương	19	89	3.47	Giỏi	880.000	
2	B1704528	Huỳnh Thúy Vy	20	86	3.58	Giỏi	880.000	
3	B1704584	Nguyễn Thị Mộng Trinh	15	88	3.63	Giỏi	880.000	
4	B1709939	Huỳnh Hồng Phiến	15	87	3.79	Giỏi	880.000	
5	B1709953	Phạm Công Phú	15	90	3.6	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.580.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.664.000 đồng/tháng								
41. Lớp: KH17T3A1 Hóa dược K43								
1	B1705256	Đỗ Thị Bảo Đình	16	73	2.97	Khá	690.000	
2	B1705257	Nguyễn Ngọc Hà	17	78	3.32	Khá	690.000	
3	B1705261	Mai Thị Diệu Hiền	15	80	3.87	Giỏi	880.000	
4	B1705310	Trần Phạm Hoàng Thiện	20	80	3.53	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.140.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.928.000 đồng/tháng								
42. Lớp: KH17U1A1 Vật lý kỹ thuật K43								
1	B1705383	Bùi Phạm Ngọc Khánh	15	73	3.13	Khá	690.000	
2	B1705397	Thạch Phúc Vinh	16	75	2.63	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.056.000 đồng/tháng								
43. Lớp: KT1720A1								
1	B1701145	Nguyễn Văn Khoa	17	68	3.5	Khá	690.000	
2	B1701168	Mã Quang Thiện	19	67	3.37	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.584.000 đồng/tháng								
44. Lớp: KT1720A2								
1	B1701191	Nghị Hồng Chi	15	81	3.23	Giỏi	880.000	
2	B1701216	Nguyễn Tuyết Nghi	16	73	3.06	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.760.000 đồng/tháng								

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
45. Lớp: KT1721A1								
1	B1701250	Danh Thùy An	19	75	2.66	Khá	690.000	
2	B1701251	Nguyễn Thê Anh	16	73	3.09	Khá	690.000	
3	B1701257	Võ Thùy Dung	23	76	2.7	Khá	690.000	
4	B1701260	Nguyễn Lê Ngọc Trang Đài	15	77	3.43	Khá	690.000	
5	B1701303	Lê Như Quỳnh	15	78	2.6	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.696.000 đồng/tháng								
46. Lớp: KT1721A2								
1	B1701361	Đặng Thị Bảo Ngọc	16	83	2.72	Khá	690.000	
2	B1701374	Huỳnh Nguyễn Mai Như	16	67	3.19	Khá	690.000	
3	B1701392	Trần Thị Bích Trâm	17	76	2.56	Khá	690.000	
Cộng lớp:							2.070.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.728.000 đồng/tháng								
47. Lớp: KT1722A1								
1	B1701433	Đặng Minh Luận	15	93	3.23	Giỏi	880.000	
2	B1701439	Phạm Thị Như Nguyễn	18	97	3.72	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1701473	Võ Ngọc Minh Trang	15	92	4	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.000.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.256.000 đồng/tháng								
48. Lớp: KT1722A2								
1	B1701490	Nguyễn Huỳnh Anh	19	92	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1701504	Nghị Trung Hiếu	16	80	3.16	Khá	690.000	
3	B1701533	Lê Gia Phú	23	67	3.33	Khá	690.000	
4	B1701547	Nguyễn Hiếu Thuận	18	89	3.06	Khá	690.000	
5	B1701567	Hồ Tuấn Vinh	22	77	3.2	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.820.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.904.000 đồng/tháng								
49. Lớp: KT1723A1								
1	B1701667	Vương Hồng Kỳ	16	65	3.5	Khá	690.000	
2	B1701686	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	25	77	2.52	Khá	690.000	
3	B1701691	Nguyễn Hữu Phúc	16	75	2.5	Khá	690.000	
4	B1701697	Đào Ngô Anh Thảo	18	66	2.94	Khá	690.000	
5	B1701709	Lê Thị Huyền Trân	15	76	2.53	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.080.000 đồng/tháng								
50. Lớp: KT1723A2								
1	B1701729	Nguyễn Nguyễn Bảo Duy	17	84	3.06	Khá	690.000	
2	B1701761	Thái Thị Ngọc	15	77	3	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.816.000 đồng/tháng								
51. Lớp: KT1745A1								
1	B1702508	Nguyễn Thị Cúc	17	76	3.06	Khá	690.000	
2	B1702548	Danh Vũ Thanh Tuyên	15	68	3.17	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.144.000 đồng/tháng								
52. Lớp: KT1745A2								
1	B1702555	Trần Thanh Dũng	15	90	3.53	Giỏi	880.000	
2	B1702566	Thạch Hoàng Ngân	16	77	3.38	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.570.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.408.000 đồng/tháng								
53. Lớp: KT1790A1								
1	B1704406	Phạm Duy Ngọc	15	85	2.89	Khá	690.000	
2	B1704416	Phan Ngọc Thiên Thanh	22	77	3.3	Khá	690.000	
3	B1704425	Huỳnh Nhật Vy	17	91	3.09	Khá	690.000	
Cộng lớp:							2.070.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.936.000 đồng/tháng								
54. Lớp: KT1790A2								
1	B1704448	Danh Yên Nhi	16	79	3.25	Khá	690.000	
2	B1704450	Lê Huỳnh Như	20	77	3.45	Khá	690.000	
3	B1704464	Nguyễn Quang Tường	22	87	3.41	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.260.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.024.000 đồng/tháng								
55. Lớp: KT17V5A1								
1	B1706158	Nguyễn Thị Minh Anh	17	75	3.15	Khá	690.000	
2	B1706164	Trần Khánh Dung	16	75	3.34	Khá	690.000	
3	B1706171	Phùng Cẩm Hường	17	77	3.5	Khá	690.000	
4	B1706208	Nguyễn Thị Diễm Trang	17	77	3.24	Khá	690.000	
5	B1706211	Nguyễn Thị Anh Tuyết	17	85	3.15	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.696.000 đồng/tháng								
56. Lớp: KT17V5A2								
1	B1706245	Trần Diệp Yên Nhi	16	77	3.31	Khá	690.000	
2	B1706257	Nguyễn Thị Thu Thảo	18	77	3.28	Khá	690.000	
3	B1706260	Nguyễn Thị Diễm Thúy	21	91	3.57	Giỏi	880.000	
4	B1706264	Đỗ Huỳnh Thương	19	78	3.45	Khá	690.000	
5	B1706273	Huỳnh Hoàng Thanh Vy	20	75	3.28	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.960.000 đồng/tháng								
57. Lớp: KT17W1A1								
1	B1707202	Trần Nguyễn Tiêu Khuyên	18	66	3.11	Khá	690.000	
2	B1707212	Lê Thị Kiều Ngân	15	78	3.27	Khá	690.000	
3	B1707213	Trần Thị Kim Ngân	15	78	3.53	Khá	690.000	
4	B1707215	Hô Hồng Nhi	15	73	3.3	Khá	690.000	
5	B1707228	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15	77	3.73	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.432.000 đồng/tháng								
58. Lớp: KT17W1A2								
1	B1707269	Lê Trần Đăng Khoa	15	93	3.5	Giỏi	880.000	
2	B1707298	Phạm Chí Thông	15	82	3.3	Giỏi	880.000	
3	B1707307	Trần Trần	16	75	3.5	Khá	690.000	
Cộng lớp:							2.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.728.000 đồng/tháng								
59. Lớp: KT17W3A2								
1	B1707544	Lý Anh Mân	18	73	2.92	Khá	690.000	
2	B1707547	Trần Thảo Ngân	22	77	3.41	Khá	690.000	
3	B1707575	Hô Thị Thùy Trang	15	73	3.17	Khá	690.000	
Cộng lớp:							2.070.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.640.000 đồng/tháng								

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
60. Lớp: KT17W4A1								
1	B1707610	Nguyễn Thị Kim Ngân	18	79	3.44	Khá	690.000	
2	B1707645	Trần Vương Huyền Trân	15	85	3.43	Giỏi	880.000	
3	B1707650	Bùi Thị Cẩm Tú	15	90	3.4	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.520.000 đồng/tháng								
61. Lớp: KT17W4A2								
1	B1707665	Trần Thị Ngọc Diệp	15	98	3.47	Giỏi	880.000	
2	B1707689	Huỳnh Mân Nhi	19	77	3.42	Khá	690.000	
3	B1707695	Huỳnh Ngọc Như	16	65	3.5	Khá	690.000	
Cộng lớp:							2.260.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.464.000 đồng/tháng								
62. Lớp: LK1763A1								
1	B1701988	Ngô Thị Thanh Lam	19	92	3.26	Giỏi	880.000	
2	B1702008	Nguyễn Thị Huỳnh Như	21	81	3.24	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.496.000 đồng/tháng								
63. Lớp: LK1763A2								
1	B1702093	Nguyễn Kiều Phương	19	82	3.66	Giỏi	880.000	
2	B1702097	Kim Chi Tha	16	91	3.31	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.672.000 đồng/tháng								
64. Lớp: LK1764A1								
1	B1702146	Thạch Thị Sa Khunh	16	78	2.63	Khá	690.000	
Cộng lớp:							690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.288.000 đồng/tháng								
65. Lớp: LK1764A2								
1	B1702056	Phạm Thị Huỳnh Giao	16	97	3.53	Giỏi	880.000	
2	B1702071	Lê Kim Linh	16	98	3.47	Giỏi	880.000	
3	B1702240	Tiêu Thảo Nguyên	16	80	3.56	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.904.000 đồng/tháng								
66. Lớp: LK1765A1								
1	B1702029	Trần Chí Tính	18	80	3.33	Giỏi	880.000	
2	B1702034	Nguyễn Thị Thanh Trúc	15	80	3.33	Giỏi	880.000	
3	B1702141	Phạm Dương Hoàng Huy	17	98	3.38	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.728.000 đồng/tháng								
67. Lớp: LK1765A2								
1	B1702074	Võ Thị Hồng Mỹ	22	78	3.1	Khá	690.000	
2	B1702223	Trương Minh Hùng	21	80	3.29	Giỏi	880.000	
3	B1702224	Nguyễn Kim Hường	16	80	3.25	Giỏi	880.000	
4	B1702234	Danh Thị Thiên Nga	16	78	3.19	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.140.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.816.000 đồng/tháng								
68. Lớp: ML17U3A1								
1	B1705446	Phạm Minh Hoàng	15	96	3.77	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1705457	Thái Thảo Nguyên	15	83	3.57	Giỏi	880.000	
3	B1705459	Trần Đô Nhi	15	80	3.5	Giỏi	880.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
4	B1705483	Nguyễn Thị Ngọc Anh	15	100	3.77	Xuất sắc	1.060.000	
5	B1705506	Cao Trung Nhân	17	96	3.76	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.940.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.840.000 đồng/tháng								
69. Lớp: ML17V9A1								
1	B1707102	Dương Trà My	17	90	3.65	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1707115	Ung Thị Kim Thoa	20	93	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1707117	Nguyễn Ngọc Cẩm Thu	20	91	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1707147	Lê Hoàng Kiệt	23	98	3.82	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.312.000 đồng/tháng								
70. Lớp: ML17X4A1								
1	B1708387	Lê Ngọc Hân	21	100	3.9	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1708426	Lâm Ngọc Vinh	16	94	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							2.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.848.000 đồng/tháng								
71. Lớp: MT1725A1								
1	B1701882	Nguyễn Minh Nghĩa	17	82	3.53	Giỏi	880.000	
2	B1701889	Huỳnh Thị Kiều Oanh	24	65	3.33	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.232.000 đồng/tháng								
72. Lớp: MT1725A2								
1	B1701917	Cao Thị Cẩm Lệ Gian	17	88	3.62	Giỏi	880.000	
2	B1701942	Trương Hữu Thiện Nhân	18	82	3.61	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.496.000 đồng/tháng								
73. Lớp: MT1738A1								
1	B1702391	Võ Hữu Nghị	15	82	3.33	Giỏi	880.000	
2	B1702417	Bùi Ngọc Trang	18	82	3.22	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.112.000 đồng/tháng								
74. Lớp: MT1738A2								
1	B1702462	Đoàn Hùng Minh	19	90	3.66	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1702478	Trần Phan Kiều Phương	20	95	3.35	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.940.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.288.000 đồng/tháng								
75. Lớp: MT1757A1								
1	B1702908	Trần Trung Hậu	16	93	3.53	Giỏi	880.000	
2	B1702911	Trần Thị Ngọc Huyền	15	95	3.87	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1702913	Trần Suôi Ken	16	81	3.63	Giỏi	880.000	
4	B1709870	Lê Minh Duy	15	81	3.63	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.700.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.872.000 đồng/tháng								
76. Lớp: MT1757A2								
1	B1702974	Dương Nguyễn Thị Mỹ Duyên	15	93	3.43	Giỏi	880.000	
2	B1702986	Nguyễn Trí Khang	24	82	3.5	Giỏi	880.000	
3	B1703002	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	18	93	3.5	Giỏi	880.000	
4	B1703013	Văn Công Hoàng Phúc	23	85	3.46	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.520.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.168.000 đồng/tháng								
77. Lớp: MT17U2A1								
1	B1705419	Bùi Hoàng Lan Thanh	19	80	3.16	Khá	690.000	
2	B1705431	Cao Lưu Phượng Vy	17	83	3.47	Giỏi	880.000	
3	B1709981	Phan Thị Thi	17	82	3.24	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.992.000 đồng/tháng								
78. Lớp: MT17X7A1								
1	B1708550	Hồ Nguyên Thiện Hữu	15	80	2.7	Khá	690.000	
2	B1708557	Nguyễn Vĩnh Nghi	15	93	3.2	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.232.000 đồng/tháng								
79. Lớp: NN16Y4A1								
1	B1604106	Huê Nguyễn Phương Nam	18	85	3.41	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							880.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 440.000 đồng/tháng								
80. Lớp: NN1708A1								
1	B1700101	Trần Nguyên Bảo Châu	17	85	3.68	Giỏi	880.000	
2	B1700116	Mai Ngọc Huy	15	78	2.5	Khá	690.000	
3	B1710458	Phan Phụng Như Y	23	94	3.39	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.960.000 đồng/tháng								
81. Lớp: NN1708A2								
1	B1700221	Phạm Tiên Mạnh	15	78	2.97	Khá	690.000	
2	B1700224	Nguyễn Thanh Nam	15	94	3.53	Giỏi	880.000	
3	B1700262	Nguyễn Thị Anh Thư	17	86	3	Khá	690.000	
4	B1700279	Hồ Bảo Xuyên	18	90	2.81	Khá	690.000	
Cộng lớp:							2.950.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.872.000 đồng/tháng								
82. Lớp: NN1708A3								
1	B1700136	Lâm Tú Ngọc	18	78	3.03	Khá	690.000	
2	B1700210	Nguyễn Trường Huy	19	80	2.72	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.344.000 đồng/tháng								
83. Lớp: NN1712A1								
1	B1700386	Nguyễn Thị Thúy Huy	15	85	3.7	Giỏi	880.000	
2	B1700387	Võ Thị Huyền	19	85	3.66	Giỏi	880.000	
3	B1700397	Ngô Thị Huê Minh	18	83	3.89	Giỏi	880.000	
4	B1700430	Dư Bửu Thư	18	85	3.69	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.608.000 đồng/tháng								
84. Lớp: NN1712A2								
1	B1700519	Huỳnh Thanh Tùng	15	91	3.67	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1709749	Nguyễn Quốc Dương	15	85	3.57	Giỏi	880.000	
3	B1709755	Lê Minh Mân	17	85	3.29	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.820.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.728.000 đồng/tháng								
85. Lớp: NN1719A1								
1	B1700973	Trần Minh Cân	15	73	2.63	Khá	690.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
Cộng lớp:							690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.168.000 đồng/tháng								
86. Lớp: NN1719A2								
1	B1701070	Lê Thanh Thảo	16	92	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							1.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.408.000 đồng/tháng								
87. Lớp: NN1767A1								
1	B1703492	Trương Vĩnh Khoa	24	91	3.88	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1703501	Võ Lộc Mãi	24	93	4	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1703505	Lê Diễm My	24	93	3.9	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1703521	Dương Thị Huỳnh Như	17	91	3.88	Xuất sắc	1.060.000	
5	B1703559	Huỳnh Lam Trường	16	93	3.88	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							5.300.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.312.000 đồng/tháng								
88. Lớp: NN1767A2								
1	B1703582	Nguyễn Thị Thuý Duy	18	97	3.89	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1703603	Phạm Thị Mai Huỳnh	15	91	3.93	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1703666	Nguyễn Thị Anh Thư	20	95	3.9	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1703669	Võ Thị Thanh Tiên	18	91	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.400.000 đồng/tháng								
89. Lớp: NN1767A3								
1	B1703486	Nguyễn Thị Diễm Hương	18	96	3.89	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1703620	Nguyễn Thị Mân	20	95	3.95	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1703621	Nguyễn Hồ Quang Minh	17	95	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1703682	Hồ Thê Vinh	20	91	3.95	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							4.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.224.000 đồng/tháng								
90. Lớp: NN1772A1								
1	B1703782	Hồ Trần Tuấn Thiện	15	78	2.57	Khá	690.000	
Cộng lớp:							690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.760.000 đồng/tháng								
91. Lớp: NN1773A1								
1	B1703819	Lê Hữu Nghị	16	93	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1703847	Nguyễn Tân Văn	17	93	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							2.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.760.000 đồng/tháng								
92. Lớp: NN1773A2								
1	B1703880	Dương Thị Kim Nguyên	15	82	3.93	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							880.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.640.000 đồng/tháng								
93. Lớp: NN1773A3								
1	B1703913	Lê Thị Bạch Cúc	16	82	3.88	Giỏi	880.000	
2	B1703922	Ngô Trọng Hiều	16	97	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							1.940.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.256.000 đồng/tháng								
94. Lớp: NN17U5A1								
1	B1705663	Lê Nguyên Khải	17	83	3.03	Khá	690.000	
2	B1705670	Trần Thảo Nguyên	15	75	2.63	Khá	690.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
3	B1705691	Nguyễn Hoàng Vũ	21	82	3.38	Giỏi	880.000	
4	B1705700	Trần Quốc Đăng	15	80	3.13	Khá	690.000	
Cộng lớp:							2.950.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.840.000 đồng/tháng								
95. Lớp: NN17V8A1								
1	B1707017	Nguyễn Thị Ngọc Hà	17	70	3.21	Khá	690.000	
2	B1707030	Trần Phương Linh	17	81	2.5	Khá	690.000	
3	B1707031	Lê Hoàng Lực	17	75	3.26	Khá	690.000	
4	B1707050	Nguyễn Thị Quyên	17	70	3.26	Khá	690.000	
5	B1707051	Nguyễn Nhã Quỳnh	15	80	3.4	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.784.000 đồng/tháng								
96. Lớp: NN17X8A1								
1	B1708627	Phạm Ngọc Hân	16	84	3.28	Giỏi	880.000	
2	B1708635	Neáng Cà Linh	16	84	3.44	Giỏi	880.000	
3	B1708668	Nguyễn Văn Tính	16	82	3.25	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.376.000 đồng/tháng								
97. Lớp: NN17X8A2								
1	B1708728	Nguyễn Ngọc Huỳnh Thụy	16	67	3.38	Khá	690.000	
Cộng lớp:							690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.936.000 đồng/tháng								
98. Lớp: NN17X8A3								
1	B1708747	Phạm Chí Công	18	70	3.44	Khá	690.000	
2	B1708768	Đinh Thị Diễm My	15	78	2.6	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.408.000 đồng/tháng								
99. Lớp: NN17X9A1								
1	B1708809	Nguyễn Nhật Yên Bình	15	80	3.6	Giỏi	880.000	
2	B1708828	Nguyễn Thị Kiều Loan	16	85	3.69	Giỏi	880.000	
3	B1708843	Võ Ngọc Trâm	16	85	3.88	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.640.000 đồng/tháng								
100. Lớp: NN17Y4A1								
1	B1703540	Nguyễn Thanh Thảo	16	90	3.67	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1703575	Nguyễn Thanh Bình	17	93	3.76	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1703608	Nguyễn Thị Thúy Khang	17	93	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.520.000 đồng/tháng								
101. Lớp: NN17Z1A1								
1	B1708647	Nguyễn Hồng Nhật	16	77	3.2	Khá	690.000	
Cộng lớp:							690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.056.000 đồng/tháng								
102. Lớp: SP1701A1								
1	B1700007	Nguyễn Thanh Bình	16	78	2.87	Khá	690.000	
2	B1700030	Nguyễn Thị Quỳnh My	15	85	3.2	Giỏi	880.000	
3	B1700044	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	18	81	3.28	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.224.000 đồng/tháng								

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
103. Lớp: SP1702A1								
1	B1700055	Nguyễn Thanh Hải	19	93	3.84	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1700062	Lê Đăng Khoa	19	92	4	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1700094	Bùi Hồng Vân	19	95	3.89	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.904.000 đồng/tháng								
104. Lớp: SP1709A1								
1	B1700290	Nguyễn Mỹ Duyên	18	82	3.39	Giỏi	880.000	
2	B1700298	Phan Nguyễn Hoàng Nam	16	86	3.44	Giỏi	880.000	
3	B1700301	Huỳnh Thảo Nguyên	16	82	3.69	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.200.000 đồng/tháng								
105. Lớp: SP1710A1								
1	B1700325	Mai Vũ Diệu Anh	17	100	3.29	Giỏi	880.000	
2	B1700338	Đỗ Nguyên Phương Hào	16	86	3.17	Khá	690.000	
3	B1700364	Nguyễn Thanh Trước	17	87	3.21	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.200.000 đồng/tháng								
106. Lớp: SP1716A1								
1	B1700847	Son Thị Kim Giang	17	82	3.44	Giỏi	880.000	
2	B1700857	Trần Công Linh	16	86	3.07	Khá	690.000	
3	B1700861	Lâm Thành Nam	17	80	3.41	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.288.000 đồng/tháng								
107. Lớp: SP1717A1								
1	B1700889	Hồ Hoàng Duy	16	100	3.81	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1700908	Huỳnh Thị Yên Nhi	16	100	3.63	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							2.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.608.000 đồng/tháng								
108. Lớp: SP1718A1								
1	B1700936	Nguyễn Hoàng Hiên	16	95	3.91	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1700939	Huỳnh Thị Anh Hùng	16	91	3.91	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							2.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.464.000 đồng/tháng								
109. Lớp: SP17U8A1								
1	B1705783	Nguyễn Phúc Duy	22	82	3.11	Khá	690.000	
2	B1705786	Nguyễn Hải Dương	16	85	2.69	Khá	690.000	
3	B1705803	Nguyễn Thị Phương Nguyên	17	97	2.94	Khá	690.000	
Cộng lớp:							2.070.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.112.000 đồng/tháng								
110. Lớp: SP17X3A1								
1	B1708342	Đặng Ngọc Dư	16	93	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1708369	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16	91	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1708372	Lê Thị Anh Thư	16	100	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.992.000 đồng/tháng								
111. Lớp: TD17X6A1								
1	B1708517	Bùi Thị Ngọc Ngân	19	90	3.84	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1708518	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	19	90	3.84	Xuất sắc	1.060.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
3	B1708524	Nguyễn Thành Quý	19	90	3.82	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.080.000 đồng/tháng								
112. Lớp: TN1761A1								
1	B1703054	Đỗ Quang Đăng	21	78	3.19	Khá	690.000	
2	B1703082	Lê Chí Linh	24	77	3.38	Khá	690.000	
3	B1703104	Bùi Thị Cẩm Quỳnh	21	77	3.29	Khá	690.000	
4	B1703107	Hồ Minh Tài	22	77	3.39	Khá	690.000	
5	B1703133	Chau Kha Vi	23	77	3.39	Khá	690.000	
6	B1703135	Tô Phi Yên	21	87	3.33	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.330.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.136.000 đồng/tháng								
113. Lớp: TN1761A2								
1	B1703189	Tạ Hồng Nhật	20	100	3.79	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1703193	Lê Hoàng Phi	21	87	3.43	Giỏi	880.000	
3	B1703197	Nguyễn Minh Quang	21	87	3.4	Giỏi	880.000	
4	B1703218	Võ Ngọc Thùy Trang	15	100	3.63	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							3.880.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.136.000 đồng/tháng								
114. Lớp: TN1761A3								
1	B1703090	Nguyễn Văn Ngoan	23	71	3.15	Khá	690.000	
2	B1703117	Nguyễn Văn Thuận	21	90	3.24	Giỏi	880.000	
3	B1703118	Tô Thị Thủy Tiên	21	85	3.24	Giỏi	880.000	
4	B1703134	Lê Hoàng Vũ	18	77	3.25	Khá	690.000	
5	B1703147	Nguyễn Tân Đạt	21	83	3.29	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.020.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.696.000 đồng/tháng								
115. Lớp: TN1783A1								
1	B1704197	Nguyễn Thị Bé Gọn	16	87	3.28	Giỏi	880.000	
2	B1704228	Đặng Thị Hồng Quyên	16	85	3.47	Giỏi	880.000	
3	B1704233	Lê Phương Thảo	19	87	3.29	Giỏi	880.000	
4	B1704240	Giao Thị Cẩm Tiên	16	87	3.44	Giỏi	880.000	
5	B1704242	Trương Kim Tiên	19	97	3.5	Giỏi	880.000	
6	B1704243	Phan Thanh Toàn	17	96	3.56	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							5.280.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.840.000 đồng/tháng								
116. Lớp: TN1783A2								
1	B1704278	Ngô Hoàng Khải	17	82	3.24	Giỏi	880.000	
2	B1704307	Lê Phương Thảo	19	98	3.55	Giỏi	880.000	
3	B1704319	Nguy Kim Bích Trân	18	87	3.36	Giỏi	880.000	
4	B1704326	Nguyễn Thị Lan Vi	16	96	3.56	Giỏi	880.000	
5	B1704329	Nguyễn Huỳnh Như Y	18	87	3.39	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.960.000 đồng/tháng								
117. Lớp: TN1784A1								
1	B1702599	Nguyễn Thanh Cao	25	90	3.6	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1702633	Phạm Hoàng Khoa	15	90	3.37	Giỏi	880.000	
3	B1702653	Trần Văn Núi	22	85	3.45	Giỏi	880.000	
4	B1702668	Huỳnh Hữu Tân	25	85	3.52	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.700.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.784.000 đồng/tháng								
118. Lớp: TN1784A2								
1	B1702701	Lại Hoàng Chính	20	85	3.6	Giỏi	880.000	
2	B1702764	Nguyễn Đức Sáng	22	93	3.59	Giỏi	880.000	
3	B1702787	Nguyễn Thành Trung	18	90	3.61	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							2.820.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.992.000 đồng/tháng								
119. Lớp: TN1784A3								
1	B1702805	Lê Huỳnh Tuấn Duy	23	85	3.61	Giỏi	880.000	
2	B1702841	Khuru Văn Luân	22	86	3.48	Giỏi	880.000	
3	B1702856	Nguyễn Thanh Phiêu	21	85	3.57	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.288.000 đồng/tháng								
120. Lớp: TN1785A1								
1	B1702792	Chung Hiên Vinh	19	75	3.32	Khá	690.000	
Cộng lớp:							690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 968.000								
121. Lớp: TN1793A1								
1	B1702618	Bùi Trung Hậu	16	85	3.63	Giỏi	880.000	
2	B1702639	Trương Hoàng Long	18	87	3.72	Giỏi	880.000	
3	B1702833	Nguyễn Công Khải	18	95	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1702895	Nguyễn Hồng Vũ	23	86	3.78	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.700.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.136.000 đồng/tháng								
122. Lớp: TN1793A2								
1	B1702715	Trương Hoàng Giang	19	83	3.58	Giỏi	880.000	
2	B1702776	Võ Bảo Thịnh	20	70	3.68	Khá	690.000	
3	B1702778	Lê Mạnh Thường	21	80	3.21	Giỏi	880.000	
4	B1702783	Phạm Phi Toàn	21	80	3.71	Giỏi	880.000	
5	B1702824	Nguyễn Thê Huy	21	83	3.24	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.210.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.136.000 đồng/tháng								
123. Lớp: TN17T1A1								
1	B1704884	Huỳnh Thành Đạt	18	100	3.76	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1704890	Phan Kim Hân	18	91	3.56	Giỏi	880.000	
3	B1704902	Ngô Tường Khánh	17	100	3.71	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1704908	Huỳnh Minh Luân	15	100	3.8	Xuất sắc	1.060.000	
5	B1704916	Phạm Văn Nhớ	19	87	3.89	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.940.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.280.000 đồng/tháng								
124. Lớp: TN17T2A1								
1	B1704972	Trương Thành Đông	22	82	3.55	Giỏi	880.000	
2	B1704983	Nguyễn Minh Hiều	17	85	3.53	Giỏi	880.000	
3	B1705023	Nguyễn Văn Nhường	25	88	3.54	Giỏi	880.000	
4	B1705049	Nguyễn Văn Thuận	22	85	3.39	Giỏi	880.000	
5	B1705065	Hồ Minh Tường	16	85	3.34	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.576.000 đồng/tháng								
125. Lớp: TN17T2A2								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thả	Chí chủ
1	B1705087	Kiên Trường Dũ	22	85	3.23	Giỏi	880.000	
2	B1705135	Nguyễn Thị Mỹ	15	90	3.5	Giỏi	880.000	
3	B1705146	Nguyễn Thị Huỳnh Như	17	100	3.21	Giỏi	880.000	
4	B1705156	Nguyễn Đăng Quang	17	98	3.47	Giỏi	880.000	
5	B1705192	Ông Như Y	16	100	3.63	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:								
126. Lớp: TN17T2A3								
Quý học bổng khuyến khích: 4.224.000 đồng/tháng								
Cộng lớp:								
1	B1704973	Võ Thanh Đức	20	72	3.35	Khá	690.000	
2	B1704995	Nguyễn Văn Khảm	19	81	3.24	Giỏi	880.000	
3	B1704999	Phạm Trung Kiên	21	75	3.43	Khá	690.000	
4	B1705059	Lâm Đào Hữu Trí	16	77	3.56	Khá	690.000	
5	B1705062	Phạm Nhật Trường	18	85	3.53	Giỏi	880.000	
6	B1705069	Trần Ngọc Y	18	75	3.31	Khá	690.000	
Cộng lớp:								
127. Lớp: TN17T2A4								
Quý học bổng khuyến khích: 4.312.000 đồng/tháng								
Cộng lớp:								
1	B1705089	Trần Văn Đại	23	76	3.17	Khá	690.000	
2	B1705103	Lý Thị Ngọc Hân	19	80	3.42	Giỏi	880.000	
3	B1705151	Nguyễn Phước Phú	23	72	3.35	Khá	690.000	
4	B1705182	Huỳnh Cao Minh Trí	17	80	3.35	Giỏi	880.000	
5	B1705186	Trần An Trường	15	70	3.23	Khá	690.000	
6	B1705193	Vũ Thị Như Y	15	72	3.57	Khá	690.000	
Cộng lớp:								
128. Lớp: TN17T4A1								
Quý học bổng khuyến khích: 4.224.000 đồng/tháng								
Cộng lớp:								
1	B1705345	Lê Hoàng Huy	15	82	3.4	Giỏi	880.000	
2	B1705347	Phạm Mai Hương	15	100	3.67	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1705355	Nguyễn Trung Nam	18	100	3.5	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:								
129. Lớp: TN17U9A1								
Quý học bổng khuyến khích: 2.552.000 đồng/tháng								
Cộng lớp:								
1	B1705837	Trần Tuyết Loan	18	83	3.42	Giỏi	880.000	
2	B1705842	Hà Ngọc Nhân	18	75	3.47	Khá	690.000	
3	B1705847	Trần Bé Thảo	20	73	3.3	Khá	690.000	
Cộng lớp:								
130. Lớp: TN17V6A1								
Quý học bổng khuyến khích: 2.552.000 đồng/tháng								
Cộng lớp:								
1	B1706284	Cao Công Đoàn	18	90	3.86	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1706291	Nguyễn Đăng Hoài	15	100	3.73	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1706307	Ngô Nguyễn Trà My	15	99	3.87	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1706309	Đỗ Thị Thủy Ngân	15	99	3.67	Xuất sắc	1.060.000	
5	B1706331	Trương Thiên Tài	15	93	3.73	Xuất sắc	1.060.000	
6	B1706355	Lê Thị Như Y	18	96	3.78	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:								
131. Lớp: TN17V6A2								
Quý học bổng khuyến khích: 5.984.000 đồng/tháng								
Cộng lớp:								
1	B1706373	Nguyễn Thanh Hoài	24	93	3.42	Giỏi	880.000	
2	B1706384	Trần Ngọc Linh	16	77	3.88	Khá	690.000	
3	B1706393	Nguyễn Thị Bé Ngọc	15	80	3.93	Giỏi	880.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
4	B1706403	Lê Tân Phát	16	80	3.34	Giỏi	880.000	
5	B1706428	Nguyễn Thị Huyền Trân	15	81	3.53	Giỏi	880.000	
6	B1706430	Nguyễn Thanh Tuấn	16	85	3.5	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							5.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.016.000 đồng/tháng								
132. Lớp: TN17Y5A1								
1	B1708856	Quách Đạt Bình	16	80	2.97	Khá	690.000	
2	B1708870	Nguyễn Thanh Hậu	15	77	2.9	Khá	690.000	
3	B1708875	Trần Thanh Huy	22	72	3.3	Khá	690.000	
4	B1708885	Nguyễn Thoại Kỳ	19	80	3.13	Khá	690.000	
5	B1708893	Đặng Hữu Nhân	17	92	3.32	Giỏi	880.000	
6	B1708896	Nguyễn Văn Nhơn	22	68	3.07	Khá	690.000	
Cộng lớp:							4.330.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.576.000 đồng/tháng								
133. Lớp: TN17Y5A2								
1	B1708930	Lê Minh Duy	17	87	2.91	Khá	690.000	
2	B1708937	Ngô Thanh Hải	18	78	2.86	Khá	690.000	
3	B1708948	Nguyễn Trọng Khang	16	77	3.38	Khá	690.000	
4	B1708954	Nguyễn Vi La	16	86	3.34	Giỏi	880.000	
5	B1708977	Trần Thị Như Thảo	16	75	3.09	Khá	690.000	
6	B1708984	Nguyễn Thị Bảo Trân	16	82	2.81	Khá	690.000	
Cộng lớp:							4.330.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.048.000 đồng/tháng								
134. Lớp: TN17Y6A1								
1	B1709004	Phan Hiều Hậu	16	72	3.66	Khá	690.000	
2	B1709017	Lê Khánh Linh	16	84	3.77	Giỏi	880.000	
3	B1709030	Trần Quốc Nhân	25	89	3.52	Giỏi	880.000	
4	B1709041	Lý Nhật Thanh	19	83	3.58	Giỏi	880.000	
5	B1709054	Nguyễn Huỳnh Trí	23	80	3.52	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							4.210.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.136.000 đồng/tháng								
135. Lớp: TN17Y6A2								
1	B1709080	Nguyễn Quốc Khang	20	87	3.65	Giỏi	880.000	
2	B1709081	Bùi Tuấn Khanh	19	100	3.37	Giỏi	880.000	
3	B1709097	Lê Hữu Nhân	21	96	3.36	Giỏi	880.000	
4	B1709122	Nguyễn Nhật Triều	19	98	3.32	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.136.000 đồng/tháng								
136. Lớp: TN17Y8A1								
1	B1709154	Lê Nguyên Khôi	15	100	3.83	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1709174	Hạ Minh Quang	15	97	3.5	Giỏi	880.000	
3	B1709181	Lê Minh Tân	16	93	3.66	Xuất sắc	1.060.000	
4	B1709195	Lê Phôn Vinh	18	87	3.61	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							3.880.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.136.000 đồng/tháng								
137. Lớp: TN17Y8A2								
1	B1709215	Nguyễn Trọng Khang	17	82	3.62	Giỏi	880.000	
2	B1709234	Nguyễn Đặng Nguyên	17	93	3.91	Xuất sắc	1.060.000	
3	B1709249	Huỳnh Thi	16	87	3.66	Giỏi	880.000	
4	B1709252	Bùi Ngọc Toàn	18	97	3.78	Xuất sắc	1.060.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/tháng)	Ghi chú
Cộng lớp:							3.880.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.784.000 đồng/tháng								
138. Lớp: TN17Z5A1								
1	B1709389	Quách Bình Châu	18	83	3	Khá	690.000	
2	B1709418	Nguyễn Phước Lộc	20	65	2.74	Khá	690.000	
3	B1709419	Phạm Tân Lộc	15	93	3.1	Khá	690.000	
4	B1709442	Trần Tân Thời	18	85	2.78	Khá	690.000	
5	B1709452	Lê Thị Diễm Xuân	19	88	2.89	Khá	690.000	
6	B1710305	Lê Vũ Kiệt	20	80	2.73	Khá	690.000	
7	B1710306	Võ Thành Lương	18	87	2.97	Khá	690.000	
Cộng lớp:							4.830.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.576.000 đồng/tháng								
139. Lớp: TN17Z5A2								
1	B1709460	Hồ Xuân Dàng	21	71	3.12	Khá	690.000	
2	B1709484	Đỗ Nguyễn Quang Đăng Khoa	16	73	3.34	Khá	690.000	
3	B1709510	Nguyễn Lâm Thành	19	73	2.74	Khá	690.000	
4	B1710325	Nguyễn Quang Huy	20	75	3.48	Khá	690.000	
5	B1710327	Quách Chí Kiên	21	65	2.79	Khá	690.000	
Cộng lớp:							3.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.520.000 đồng/tháng								
140. Lớp: TS1713A1								
1	B1700647	Lâm Hoài Thương	17	95	3.94	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							1.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.112.000 đồng/tháng								
141. Lớp: TS1713A2								
1	B1700748	Châu Khải Nghiêm	16	96	4	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1700752	Phạm Thái Nguyên	15	90	4	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							2.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.848.000 đồng/tháng								
142. Lớp: TS1713A3								
1	B1700655	Nguyễn Văn Trọng	17	76	3.79	Khá	690.000	
2	B1700724	Nguyễn Thị Mai Khoa	19	80	3.89	Giỏi	880.000	
3	B1700729	Trần Châu Liêm	21	92	3.69	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							2.630.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.728.000 đồng/tháng								
143. Lớp: TS1776A1								
1	B1703997	Nguyễn Thị Kim Tiên	18	85	3.83	Giỏi	880.000	
2	B1704012	Đặng Ngọc Hằng	18	85	3.78	Giỏi	880.000	
3	B1704020	Phạm Thị Mỹ Ngân	18	85	3.83	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.288.000 đồng/tháng								
144. Lớp: TS17W5A1								
1	B1710204	Nguyễn Thị Huỳnh Trân	17	86	3.15	Khá	690.000	
Cộng lớp:							690.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 880.000 đồng/tháng								
145. Lớp: XH17U4A1								
1	B1705559	Trần Thị Yên Nhi	17	86	3.65	Giỏi	880.000	
2	B1705575	Đinh Thị Anh Thư	15	95	3.5	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.760.000	

(Ban hành kèm theo quyết định số 643 /QĐ-ĐHCT, ngày 24/03/2021)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/thá	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.936.000 đồng/tháng								
146. Lớp: XH17U4A2								
1	B1705601	Trịnh Lâm Khang	19	85	3.37	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							880.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.848.000 đồng/tháng								
147. Lớp: XH17W7A1								
1	B1707832	Đặng Thị Thu An	16	95	3.75	Xuất sắc	1.060.000	
2	B1707852	Phạm Đoàn Yên Khoa	18	100	3.39	Giỏi	880.000	
3	B1707880	Võ Thị Kim Thoa	15	82	3.33	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.820.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.992.000 đồng/tháng								
148. Lớp: XH17W7A2								
1	B1707937	Đặng Nguyên Minh Phương	22	80	3.18	Khá	690.000	
2	B1707938	Trần Kim Quân	18	78	3.17	Khá	690.000	
Cộng lớp:							1.380.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.584.000 đồng/tháng								
149. Lớp: XH17W8A1								
1	B1708003	Nguyễn Thị Thuỳ Như	16	82	3.44	Giỏi	880.000	
2	B1708020	Đào Thị Ngọc Trâm	19	80	3	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							1.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.320.000 đồng/tháng								
150. Lớp: XH17W8A2								
1	B1708093	Trần Thị Bích Trâm	16	100	3.88	Xuất sắc	1.060.000	
Cộng lớp:							1.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 1.232.000 đồng/tháng								
151. Lớp: XH17W9A1								
1	B1708187	Đỗ Trí Cường	18	82	3.47	Giỏi	880.000	
2	B1708202	Lê Thị Kim Ngân	15	92	3.5	Giỏi	880.000	
3	B1708211	Đỗ Thị Hoàng Thơ	19	82	3.45	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.288.000 đồng/tháng								
152. Lớp: XH17W9A2								
1	B1708220	Châu Huỳnh Ngọc Anh	16	91	3.43	Giỏi	880.000	
2	B1708242	Nguyễn Thị Nhiên	21	95	3.14	Khá	690.000	
3	B1708249	Nguyễn Thị Minh Thư	15	95	3.4	Giỏi	880.000	
Cộng lớp:							2.450.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 2.200.000 đồng/tháng								

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



Trần Trung Tính